TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2017
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lưu Đình Tâm
Bà Nguyễn Thị Hà
- *Thư ký phiên toà*: Ông Lê Văn Thịnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2017/QĐST – HNGĐ ngày 29/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Th - sinh năm: 1981
HKTT: Thôn Tượng Sơn 3, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đường Xuân Anh; Trợ giúp viên pháp lý, chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 08, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm: 1979
HKTT: Thôn Tượng Sơn 3, xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2017 và tại bản tự khai ngày 25/5/2017, chị Bùi Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 30/9/2003 tại Uỷ ban nhân dân xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Vợ chồng chung sống được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau nên thường xuyên bất đồng nhau về quan điểm và lối sống. Anh H sống vô tâm, không quan tâm, chăm lo gì đến vợ con. Chị đã góp ý nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi. Hiện tại vợ chồng

chị đã ly thân nhau, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Linh Ch, sinh ngày 18/6/2012. Nếu ly hôn, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên chị Th xác định không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa án làm việc để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không lên, thiếu sự hợp tác và thiện chí làm việc, chứng tỏ anh H không thiết tha gì đến cuộc sống hôn nhân. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Th được ly hôn anh H để giải phóng cho người phụ nữ. Về con cái: chị Th và anh H có một con chung là cháu Nguyễn Thị Linh Ch, sinh ngày 18/6/2012. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu đang ở với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố chỗ ở, học tập, điều kiện phát triển về tinh thần, thể chất để giao cháu Ch cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn H để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Th nhưng anh H không có mặt nên không có lời khai của anh H. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Hữu không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H. Tất cả các văn bản tố tụng của Toà án tống đạt anh H đều nhận nhưng không ký vào biên bản tống đạt. Tòa án cũng đã cùng với công an xã lập biên bản để làm căn cứ cho các bước giải quyết tiếp theo, theo quy định của pháp luật. Chị Th đã có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 BLTTDS. Do anh H vắng mặt lần hai nên căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/9/2003 và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thiếu sự quan tâm chăm sóc cho nhau. Vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian, không ai quan tâm tới ai,

mạnh ai người ấy sống. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh H lên làm việc để anh H được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh H đều không có mặt. Điều đó chứng tỏ anh H không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Th được ly hôn anh H để giải phóng cho người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Chị Bùi Thị Th và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Linh Ch, sinh ngày 18/6/2012. Hiện nay cháu Ch đang ở với chị Th. Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ch. Để không bị xáo trộn và đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường mọi mặt cho con trẻ. Nghĩ cần giao cháu Ch cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, giới tính và các quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị Th không yêu cầu nên miễn xét.

[3] Về tài sản: Chị Th không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 4 điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con cái: Giao cháu Nguyễn Thị Linh Ch, sinh ngày 18/6/2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Bùi Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2013/04145 ngày 19/5/2017. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Th, vắng mặt anh Hữu. Chị Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lưu Đình Tâm **Nguyễn Thị Hà** **Phạm Văn Hùng**